**Trường THCS Tân Tiến**

**Lớp: 7A**

**Họ tên học sinh:**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN**

**A:Phần nội dung ghi bài của HS**

**Số: Chủ đề: Số hữu tỉ. Các phép tính số hữu tỉ**

**Tiết 9: BÀI 4 : GIÁ TRỊ TUYỆT ĐỐI CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ. CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA SỐ THẬP PHÂN.**

**1/ Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ:**

**Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ x , được kí hiệu |x|, là khoảng cách tới điểm 0 trên trục số.**

**\*Ví dụ: ?1 SGK/13:**

a) Nếu x = 3,5 thì |x| = | 3,5| = 3,5. Nếu x = thì |x| = | | =

b) Nếu x > 0 thì |x| = x ; Nếu x = 0 thì |x| = 0; Nếu x < 0 thì |x| = - x

**Ta có dạng tổng quát: |x| = x nếu x≥ 0 và |x| = - x nếu x**< 0

\*Ví dụ: x = thì |x| = | | = > 0 )

Nếu x = -5,75 thì |x| = | - 5,75| = - ( - 5,75) = 5,75 ( vì -5,75 < 0)

\****Nhận xét:Với mọi x ∈ Q ta luôn có : |x|≥ 0,|x| = |- x | và |x|***≥ x

**?2 Tìm |x|, biết:**

1. x = b) x = c) x = d) x = 0

|x| = | | = |x| = | | = |x| = |-3 | = |x| = | 0| = 0

**2/ Cộng ,trừ, nhân, chia số thập phân**

*. Để cộng,trừ, nhân,chia các số thập phân, ta có thể viết chúng dưới dạng phân số rồi làm theo quy tắc các phép tính đã biết về phân số.*

**\*Ví dụ**: 0,245 – 2,134 = -1,889

*Trong thực hành, ta thường cộng ,trừ, nhân hai số thập phân theo quy tắc về giá trị tuyệt đối và về dấu tương tự như đối với số nguyên.*

**\*Ví dụ:** 0,245 – 2,134 = 0,245 + ( - 2,134) = -( 2,134 – 0,245) = - 1,889

*. Khi chia số thập phân x cho số thập y ( y ≠ 0) , ta áp dụng quy tắc : thương của hai số thập phân x và y là thương của |x| và |y| với dấu “ +”đằng trước nếu x và y cùng dấu và dấu “ – “ đằng trước nếu x và y khác dấu.*

**\*Ví dụ:**

a( - 0,408) : ( - 0,34) = + ( 0,408 : 0,34)= 1,2

b ( - 0,408) : ( + 0,34) = -( 0,408 : 0,34)= - 1,2

**? 3 Tính:**

a) – 3,116 + 0,263 = -( 3,116 – 0,263) = - 2,853

1. ( - 3,7) . ( - 2,16) = 7,992

**I.Câu hỏi củng cố kiến thức:**

- Nêu giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ. Nêu dạng tổng quát ?

- Nêu cách cộng, trừ, nhân , chia số thập phân?

**II. Hướng dẫn về nhà:**

- Học thuộc giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ. Dạng tổng quát .

- Cách cộng, trừ, nhân, chia hai số thập phân.

- Làm bài tập

**Bài 1:** **Tìm x biết**:

a) |x| = b) |x| = 0,37 c) |x| = 0 d) |x| =

**Bài 2: ( bài 18 SGK/ 15) : tính**

a)- 5,17 – 0,469; b) – 2,05 + 1,73; c) ( - 5,17) . ( - 3,1); d) ( - 9,18) : 4,25

**Bài 3: ( bài 20 SGK / 15) : tính nhanh:**

1. 6,3 + ( - 3,7) + 2,4 +( - 0,3) b) – 2,05 + 1,73
2. (- 5,17). (- 3,1) d) ( - 9,18) : 4,25

**Tiết 10: LUYỆN TẬP**

**( GIÁ TRỊ TUYỆT ĐỐI CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ. CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA SỐ THẬP PHÂN )**

**I/ KIẾN THỨC CẦN NHỚ:**

**1/ Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ:**

**Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ x , được kí hiệu |x|, là khoảng cách tới điểm 0 trên trục số.**

**Ta có dạng tổng quát: |x| = x nếu x**≥ 0  **và**  **|x| = - x nếu x** < 0

**2/ Cách cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ:**

**\*Cách 1:** *. Để cộng,trừ, nhân,chia các số thập phân, ta có thể viết chúng dưới dạng phân số rồi làm theo quy tắc các phép tính đã biết về phân số.*

**\* Cách 2:** *Trong thực hành, ta thường cộng ,trừ, nhân hai số thập phân theo quy tắc về giá trị tuyệt đối và về dấu tương tự như đối với số nguyên.*

**II/ LUYỆN TẬP**

**\*Bài 1: ( bài 21 SGK/ 15)**

1. Trong các phân số sau, những phân số nào biểu diễn cùng một số hữu tỉ?



1. Viết ba phân số cùng biểu diễn số hữu tỉ

**Giải**

1. Vì các phân số đề bài cho chưa tối giản. Nên ta rút gọn phân số



Vậy các phân số cùng biểu diễn một số hữu tỉ là



1. Viết ba phân số cùng biểu diễn số hữu tỉ



**\*Bài 2 ( Bài 24 SGK/ 16)** Áp dụng tính chất các phép tính để tính nhanh:

a) ( - 2,5 . 0,38. 0,4) – [0,125 . 3,15 .( - 8)]

= ( - 2,5. 0,4 . 0,38) – [ 0,125 .( -8 ). 3,15]

= ( - 1 . 0,38) – [ -1 . 3,15] = - 0,38 – [ - 3,15]= 2,77

1. [ (- 20,83) . 0,2 + ( - 9,17). 0,2]. : [ 2,47 . 0,5 – ( - 3,53) . 0,5]

={ 0,2 . [( - 20,83) + ( - 9,17)]} : { 0,5 . [ 2,47 – ( - 3,53)]}

= { 0,2 . ( - 30)} : {0,5 .6} = - 6 : 3 = 2

**\*Bài ( Bài 25 SGK/ 16) :** Tìm x biết

a) | x – 1,7| = 2,3 b) | x +

x – 1,7= 2,3 hay x – 1,7 = - 2,3 | x +

x = 2,3 + 1,7 hay x = - 2,3 + 1,7 |x +

x = 4 hay x = - 0,6 x + hay x +

x hay x

x= hay x=

**III/Củng cố kiến thức**: Qua bài luyện tập này các em cần nhớ:

-Cách cộng , trừ, nhân, chia số thập phân.

- Vận dụng giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ và quy tắc chuyển vế để giải bài tìm x.

- Vận dụng tính chất các phép tính để giải dạng bài tập tính nhanh.

**IV/ Hướng dẫn học ở nhà**

1/ Học thuộc giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ, cộng, trừ, nhân chia số hữu tỉ.

2/ **Làm bài tập**

**\*Bài 1:** ( Bài 22 SGK/ 16)

Sắp xếp số hữu tỉ sau theo thứ tự lớn dần:

**Hướng dẫn giải:**

*+ Bước 1*: đổi số thập phân và hỗn số ra phân số



*+ Bước 2*: so sánh các phân số

. So sánh ba phân số

+ Bước 3 : sắp xếp các phân số và số 0 theo thứ tự tăng dần

**Bài 2** : Tìm x ∈ Q biết:

1. | x| = 2,1 b) | x| = c)| 2,5 – x | = 1,3 d) 1,6 - | x – 0,2 | = 0

**B: HÌNH HỌC: NỘI DUNG HỌC SINH GHI**

**CHỦ ĐỀ: HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH. HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC**

**Tiết 11: Bài 3: CÁC GÓC TẠO BỞI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CẮT HAI ĐƯỜNG THẲNG**

**1/ Góc so le trong. Góc đồng vị:**

c

3 A 2 a

4 1

3 2 b

B 4 1

\* Quan sát hình vẽ trên, ta có đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b tại A, B tạo thành bốn góc đỉnh A, bốn góc đỉnh B được đánh số như trên hình vẽ.

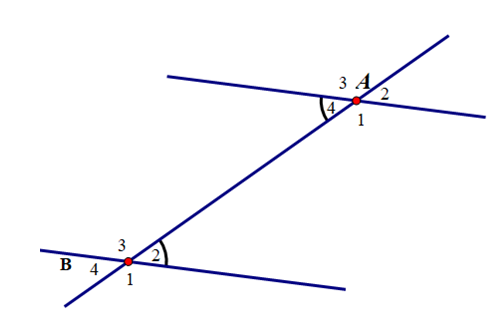
\*Ta sắp xếp mỗi cặp góc gồm một góc ở đỉnh A và một góc ở đỉnh B

**. 1 và 3; 4 và 2** ***được gọi là hai góc so le trong***.

. **1 và 1; 2 và **2 ; **3 và 3; 4 và 4**  : ***được gọi là các cặp góc đồng vị.***

**2/ Tính chất:**

**?2/ 88 SGK**

 **Hình 13**

**Trên hình 13 người ta cho 4 = 2 = 450**

*a/ Hãy tính* **1 , 3 ( Chú ý:** các cặp góc kề bù)

*b/ Hãy tính* **2 , 4  ( Chú ý:** các cặp góc đối đỉnh**)**

*c/ Hãy viết tên ba cặp góc đồng vị còn lại và số đo của chúng.*

**Bài làm**

*a/ + Ta có: Góc A1 kề bù với góc A4*

**1 + 4 = 1800**

**1  + 450 = 1800**

**1 = 1800 – 450 = 1350 .**

*+ Ta có: Góc B3 kề bù với góc B2*

**3** **+ 2 = 1800**

**3  + 450 = 1800**

**3 = 1800 – 450 = 1350**

**b/ Ta có góc A2 đối đỉnh với góc A4**

**Nên 2 = 4 = 450**

**Ta có góc B4 đối đỉnh với góc B2**

**4 =** **2 = 450**

**c/ Ba cặp góc đồng vị còn lại và số đo của chúng**

*Ta có* **1 = 1 = 1350**

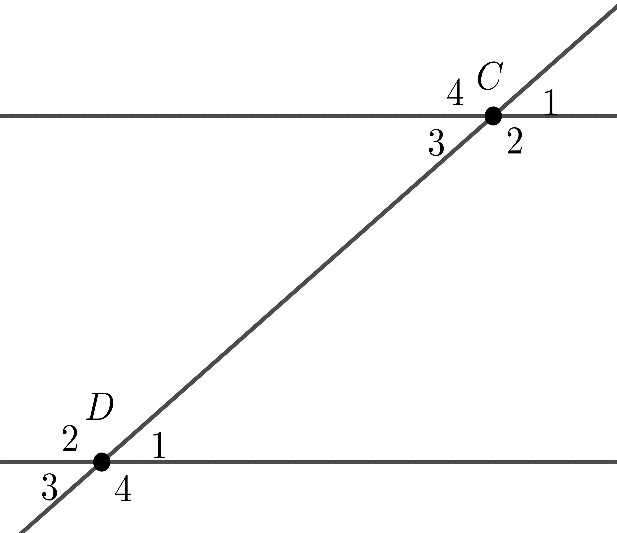
**2 = 2 = 450**

**3 = 3 = 1350**

**\*Tính chất:**

|  |
| --- |
| *Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a,b và trong các góc tạo thành*  *Có một cặp góc so le trong bằng nhau thì:*   1. ***Hai góc so le trong còn lại bằng nhau.*** 2. ***Hai góc đồng vị bằng nhau.*** |

**3/ Củng cố: Cho  *= 400 , = 400***

******

*a/ Viết tên hai cặp góc so le trong.*

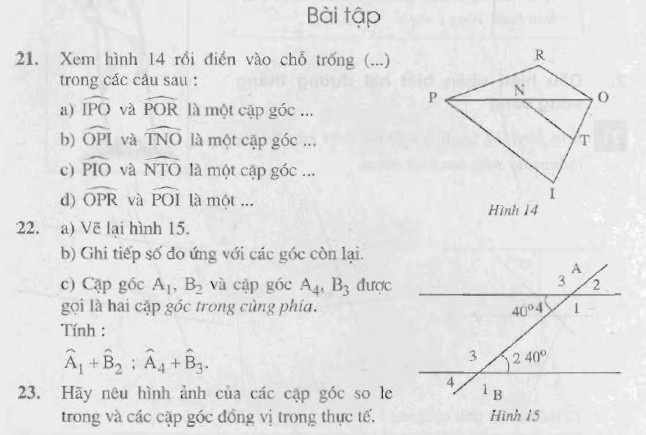
*b/ Viết tên bốn cặp góc đồng vị.*

*c/ Tính số đo các góc* ***;***

**d/ Cặp góc C3 và D2, cặp góc C2 và D1: được gọi là hai cặp góc trong cùng phía.**

**4/ Hướng dẫn về nhà:**

* *Xem lại bài và làm bài tập 21; 22 SGK trang 89*

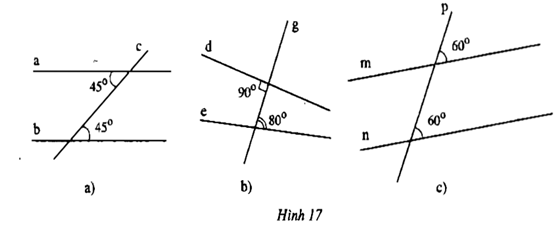


**CHỦ ĐỀ: HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH. HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC**

**Tiết 12**: **BÀI 4: HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

**1/ Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song:**

**? 1** Xem hình 17( a, b, c ). Đoán xem các đường thẳng nào song song với nhau.

Hình a ta có hai đường thẳng a và b song song với nhau

**\*Tính chất:**

|  |
| --- |
| Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a , b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau ( hoặc một cặp góc đồng vị bằng nhau ) thì a và b song song với nhau. |

**Kí hiệu: a // b**

**2/ Vẽ hai đường thẳng song song:**

**? 2** Cho đường thẳng a và điểm A nằm ngoài đường thẳng a. Hãy vẽ đường thẳng b đi qua A và song song với a

**A**

**b ⚫**

**A ⚫**

**a a**

**3/Câu hỏi củng cố:**

* Nêu dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song ?
* Cho đường thẳng c và điểm A nằm ngoài đường thẳng c. Vẽ đường thẳng b đi qua A và song song với c. Ghi kí hiệu **?**

**4/ Hướng dẫn về nhà:**

* Học dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song song
* **Làm bài tập : 24 ; 25 SGK trang 91**

**\*Bài 24. Điền vào chỗ trống (…) trong các phát biểu sau:**

1. Hai đường thẳng a và b song song với nhau được kí hiệu là :..
2. Đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì …

**\*Bài 25**. Cho hai điểm A và B. Hãy vẽ một đường đi qua A và đường thẳng b đi qua B sao cho b song song với a.(Hướng dẫn : giống bài ?2)

**C. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường: THCS TÂN TIẾN

Lớp:7A

Họ tên học sinh:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| Toán | Mục A: Số  Tiết 9:  Tiết 10:  Phần B: Hình  Tiết 11  Tiết 12: |  |

**PHIÊU HƯỚNG DẪN TỰ HỌC MÔN TIẾNG ANH LỚP 7**

**Hoạt động 1**: *Đọc tài liệu bên dưới và thực hiện các yêu cầu:*

* *Sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 7*

*Trong tuần lễ 3 các em học:*

**Unit 2: PERSONAL INFORMATION**

**Phần A1+ A2 + A4 +A5 + Remember** *trang 19, 20, 21, 22, 23*

* *Các em mở vở ghi từ vựng và ngữ pháp vào tập*

**Các em học sinh chép bài vào vở ( tựa bài học, từ vựng, ngữ pháp, bài tập), riêng đoạn hôi thoại, đoạn văn thì các em không cần phải chép**

**PERIOD 7 (TIẾT 7)**

**UNIT 2: PERSONAL INFORMATION**

**A. Telephone numbers**

**1. Read.**

**VOCABULARY:**

- personal (adj): riêng tư, cá nhân

- information (n): thông tin

- telephone (n,v): điện thoại, gọi điện thoại

- directory (n): danh bạ

🡪telephone directory (n): danh bạ điện thoại

- telephone number (n): số điện thoại

**\* Cách đọc số điện thoại:**

- đọc từng số

- 2 số giống nhau ta đọc là “double...”

- số “0” ta đọc là “zero hoặc oh”

Ex: 0367435582: Zero/oh three six seven four three double five eight two

**TELEPHONE DIRECTORY**

**(DANH BẠ ĐIỆN THOẠI)**



*Practice with a partner. Say the telephone numbers for these people.*

**a)** Dao Van An 7345610: *seven - three - four - five - six - one - oh*.

**b)** Pham Viet Anh 8269561: *eight - two - six - nine - five - six - one*.

**c)** Pham Thanh Ba 5267117: *five - two - six - seven – double one - seven*.

**d)** Dinh Thi Bang 9259288: *nine - two - five - nine - two - double eight*.

**e)** Vu Thanh Bat 6275564: *six - two - seven - double five - six - four*.

f) Bui Ngoc Linh 8231236: eight - two - three - one - two - three- six.

**P8**

**3. Listen.**

**VOCABULARY:**

-Excuse me (exp.): xin lỗi( hỏi thăm đường, bắt đầu 1 câu chuyện gì đó...)

**Lan:** Excuse me, Hoa.

**Hoa:** Yes. Lan?

**Lan:** What’s your telephone number?

**Hoa:** 8 262 019.

**Lan:** Thanks. I'll call you soon.

*Now ask your classmates and complete the list.*



**4. Listen and read. Then answer the questions.**

**VOCABULARY:**

- free (adj): rảnh rỗi, miễn phí

- see (v): xem

- movie (n): bộ phim

🡪see a movie (v): xem 1 bộ phim

- movie thearter (n): rạp phim

🡪go to the movie theater (v): đi xem phim

- start = begin (v): bắt đầu

- meet (v): gặp

- Don't be late! (exp.): đừng đến trễ

**GRAMMAR:**

**The simple future tense. (Thì tương lai đơn)**

**(+) S + will + V...**

**(-) S + will not (won’t) + V...**

**(?) Will + S + V...?**

I will = I’ll

You will = You’ll

She will = She’ll

He will = He’ll

It will = It’ll

We will = We’ll

They will = They’ll

Mary will = Mary’ll

Dùng để diễn tả 1 hành đông xảy ra trong tương lai, thường đi với:

tommorow (ngày mai), next week/month/year/summer..., someday (1 ngày nào đó), in five

minutes (trong 5 phút nữa)...

Ex: She(go)\_**will go** \_\_to Da Lat tomorrow.

🡪 She **will not go** \_\_to Da Lat tomorrow.

🡪 **will** she **go** \_\_to Da Lat tomorrow? – Yes, she will./No, she won’t.

Ex: He(be)\_\_\_ **will be\_\_\_**at home next week.

🡪: He\_\_\_ **will not be\_\_\_**at home next week.

🡪 **will** He\_\_\_ **be**\_\_\_at home next week?



**Phong:** Hello. This is 8 537 471.

**Tam:** Hello. Is this Phong?

**Phong:** Yes. Who’s this?

**Tam:**It’s me, Tam. Will you be free tomorrow evening?

**Phong:** Yes, I will

**Tam:**Would you like to see a movie?

**Phong:** Sure. What time will it start?

**Tam:**It’ll start at seven o’clock.

   Let’s meet at 6.45.

**Phong:** Where will we meet?

**Tam:** We’ll meet in front of the movie theater.

**Phong:**Great. I’ll see you tomorrow. Don't be late!

***Questions.***

**a)** Who will meet tomorrow? (*Ngày mai ai sẽ gặp nhau?*)

🡪Tam and Phong will meet each other tomorrow.

**b)** What will they do? (*Họ sẽ làm gì?*)

🡪They will see a movie.

**c)** What time will they meet? (*Họ sẽ gặp nhau lúc nào/ lúc mấy giờ?*)

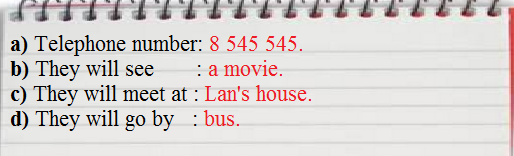
🡪They will meet at 6.45.

**d)** Where will they meet? (*Họ sẽ gặp nhau ở đâu?*)

🡪They will meet in front of the movie theatre.

**P9**

**5. Listen. Then write the answers.**



**Nga:** Hello. This is 8 545 545.

**Lan:** Hello. Is this Nga?

**Nga:** Yes. Who is calling, please?

**Lan:** It’s Lan. Do you want to go to see a movie?

**Nga:** Sure. Where will we meet?

**Lan:** At my house.

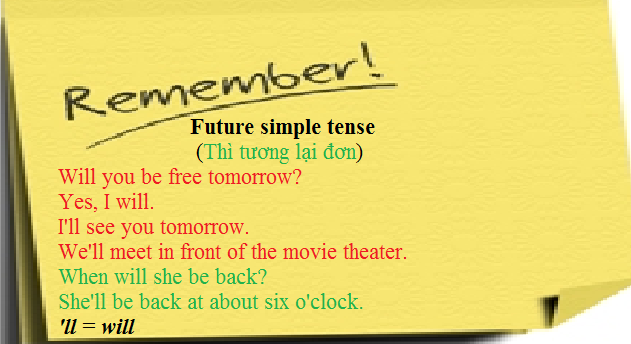
**Nga:** How will we get there?

**Nga:** We can take a bus.

**Lan:** OK. Fine. Bye.

**Nga:** Bye.

***Remember.***



**Hoạt động 2**: *Các em xem sách trang 19, 20, 21, 22, 23*

**Phần giải đáp thắc mắc**

* Sau bài học này nếu em có các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại khi thực hiện các nhiệm vụ học tập em ghi ra cụ thể để được giáo viên giải đáp.
* Trường: THCS tân Tiến
* Lớp: 7
* Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| Tiếng Anh 7 | ***Unit 2: PERSONAL INFORMATION***  ***Phần A1+ A2 + A4 +A5 + Remember***  ***trang 19, 20, 21, 22, 23*** | 1.  2.  3. |

**TRƯỜNG THCS TÂN TIẾN**

**TÊN HS :**

**LỚP :**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 7**

**TUẦN 3**

**TIẾT 9**

**CA DAO, DÂN CA**

**NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH**

**Hoạtđộng 1**: HS Đọc và tìm hiểu chú thích, văn bản

- Đọc chú thích và văn bản

- Thực hiện các yêu cầu :

1.Qua chú thích \*/35, em hiểu thế nào là ca dao, dân ca?

……………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………......................................................................................................................................................................................................................................................................................................

- Học sinh đọc 2 bài ca dao : 1, 4

2.Hai bài ca dao này đề cập đến những nội dung nào?

……………………………………………………………………………………….

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**3**. Em có nhận xét gì về hình thức, thể thơ của hai bài ca dao?

............................................................................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

- Học sinh đọc bài ca dao 1:

**4.** Bài ca dao là lời của ai nói với ai? Nói về việc gì?

............................................................................................................................

.............................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................

**5.** Công lao trời biển của cha mẹ được diễn tả qua những hình ảnh, chi tiết nào?

..................................................................................................................................................................................................................................................................

.............................................................................................................................

……………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………..

**6.** Như vậy, để diễn tả công lao trời biển của cha mẹ tác giả dân gian đã sử dụng nghệ thuật gì?

.................................................................................................................................................................................................................................................................

**7.** So sánh như vậy nhằm khẳng định điều gì về công lao của cha mẹ?

............................................................................................................................

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

8*.* Em hiểu thế nào về “cù lao chín chữ” ?

……………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….......................................................................

9.Cảm nhận của em về ngôn ngữ, giọng điệu ở câu cuối bài ca dao?

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………..

**10.**Ẩn chứa trong đó là lời nhắn nhủ nào tới những người làm con?

……………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

- Học sinh đọc bài ca dao 4:

**11**. Theo em, lời trong bài ca dao là lời của ai nói với ai? Về điều gì?

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

12. Tình cảm anh em trong một gia đình được diễn tả qua những chi tiết, hình ảnh nào?

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………..

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

13. Từ đó em có suy nghĩ như thế nào về tình cảm anh em?

…………………………………………………………………………………………………...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Hoạtđộng 2**: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Ngoài những bài ca dao được học và đọc thêm trong SGK, em hãy tìm một số bài ca dao có nội dung tương tự ?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

( Nộp lại phiếu học tập : 27/9/2021 )

**\*Thắc mắc của HS :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 7**

**TUẦN 3**

**TIẾT 10**

**NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ**

**HƯƠNG, ĐẤT NƯƠC, CON NGƯỜI**

**Hoạtđộng 1**: HS Đọc và tìm hiểu chú thích, văn bản

- Đọc chú thích và văn bản

- Thực hiện các yêu cầu :

- HS bài ca dao 1

1. So với những bài ca dao khác, bài ca dao 1 có bố cục như thế nào?

……………………………………………………………………………………..

............................................................................................................................

....................................................................................................................................

………………………………………………………………………………………

2. Những địa danh nào được nhắc tới trong lời đối đáp của chàng trai, cô gái?

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

3.Các địa danh đó có những đặc điểm chung và riêng nào?

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………..

.....................................................................................................................................

*4.* Theo em, vì sao chàng trai, cô gái lại dùng những địa danh với những đặc điểm của từng địa danh như vậy để hỏi, đáp? Điều đó có ý nghĩa gì?

*............................................................................................................................*

*............................................................................................................................*

*............................................................................................................................*

............................................................................................................................

- HS đọc bài ca dao 4.

5. Nhận xét số tiếng trong mỗi câu? Nhịp thơ có gì đặc biệt? Ý nghĩa của sự đặc biệt đó?

............................................................................................................................

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………...

.............................................................................................................................

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

6. Hai câu thơ đầu và hai câu thơ cuối, đối tượng miêu tả có gì khác nhau?

……………………………………………………………………………………..

......................................................................................................................................................................................................................................................................

………………………………………………………………………………………

7.Em có cảm nhận gì về không gian ở đây?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

8. Hình ảnh cô gái được miêu tả bằng biện pháp nghệ thuật gì? Cách dùng từ ngữ ở đây như thế nào?

............................................................................................................................

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

9 Qua biện pháp nghệ thuật so sánh , gợi lên hình ảnh cô gái có vẻ đẹp như thế nào ?

………………………………………………………………………………………

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Hoạtđộng 2**: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học*.*

Thực hiện các bài tập 1,2 ở SGK/ 40

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

( Nộp lại phiếu học tập : 27/9/2021 )

**\*Thắc mắc của HS**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 7**

**TUẦN 3**

**TIẾT 11**

**TỪ GHÉP**

**Hoạtđộng 1**: Tìm hiểu các loại từ ghép và nghĩa của từ ghép

**\*Tìm hiểu các loại từ ghép**

- Đọc ví dụ 1 SGK/13,14

1. Các từ "bà ngoại", "thơm phức" có tiếng nào là tiếng chính, tiếng nào là tiếng phụ bổ sung ý nghĩa cho tiếng chính?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

2. Nhận xét về trật tự các tiếng?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

3. Các tiếng trong 2 từ ghép: "Quần áo" và "trầm bổng"có phân ra tiếng nào là chính, tiếng nào là tiếng phụ không?

............................................................................................................................

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

4. Quan hệ giữa các tiếng ra sao?

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………..

5.Từ phân tích trên, cho biết có mấy loại từ ghép? Đặc điểm, cấu tạo của chúng ta có gì khác nhau?

...........................................................................................................................

……………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

...................................................................................................................................................................................................................................................................

**\*Tìm hiểu nghĩa của từ ghép**

- Đọc Ví dụ SGK/13,14

1.Hãy giải nghĩa từ bà ,bà ngoại, thơm và thơm phức?

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2. Qua phân tích em rút ra được kết luận gì về nghĩa của từ ghép chính phụ?

............................................................................................................................

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

3. So sánh nghĩa của từ ghép đẳng lập quần áo, trầm bổng với nghĩa của mỗi tiếng tạo nên chúng ?

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

4.Em rút ra nhận xét gì về nghĩa của từ ghép đẳng lập?

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Hoạtđộng 2**: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Thực hiện các bài tập 1,2,3 ở SGK/ 15

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

( Nộp lại phiếu học tập : 27/9/2021 )

* **Thắc mắc của HS :**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 7**

**TUẦN 3**

**TIẾT 12**

**QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN**

**Hoạtđộng 1**: Tìm hiểu các bước tạo lập văn bản

- Đ­ưa ra tình huống:

**-** Em đ­ược nhà tr­ường khen th­ưởng về thành tích học tập. Tan học, em muốn về thật nhanh để báo tin vui ấy cho mẹ.

1. Để mẹ em hiểu đư­ợc việc phấn đấu đạt thành tích trong học tập, em sẽ dùng kiểu văn bản nào? Nói hay viết?

............................................................................................................................

2. Khi có nguyện vọng nào đó cần được giải quyết em sẽ làm gì?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

3. Khi nào ng­ười ta có nhu cầu tạo lập văn bản?

............................................................................................................................

............................................................................................................................

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

4. Để tạo lập một văn bản ( VD như viết thư) ta cần xác định những vấn đề gì?

...........................................................................................................................

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………..

5. Sau khi đã xác định đ­ược những vấn đề đó, cần phải làm những việc gì để viết đ­ược văn bản?

...........................................................................................................................

...........................................................................................................................

……………………………………………………………………………………..

6.Tại sao phải tìm ývà sắp xếp các ý trước khi tạo lập văn bản?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………..

7.Vậy sau b­ước tìm ývà lập dàn ý, ta phải làm gì? Tạo lập văn bản bằng cách nào?

..............................................................................................................................

............................................................................................................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........

8.Có thể coi văn bản là một loại sản phẩm cần được kiểm tra sau khi hoàn thành không? Nếu có thì sự kiểm tra ấy dựa theo những tiêu chuẩn cụ thể nào? Mục đích kiểm tra để làm gì?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

.................................................................................................................................................................................................................................................................

9.Tóm lại có mấy bước để tạo lập một văn bản?.

............................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Hoạtđộng 2**: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Thực hiện các bài tập 1,2 ở SGK/ 46

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

( Nộp lại phiếu học tập : 27/9/2021 )

* **Thắc mắc của HS :**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**VẬT LÝ 7 – TUẦN 3.**

Em cần sự hướng dẫn từ giáo viên, hãy gọi số điện thoại 0909871035

**Chủ đề 3 : ỨNG DỤNG ĐỊNH LUẬT TRUYỀN THẲNG CỦA ÁNH SÁNG**

**A.Tìm hiểu bài**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG TÌM HIỂU** | **YÊU CẦU HỌC SINH**  **HỌC SINH TÌM HIỂU SÁCH TÀI LIỆU DẠY HỌC- CHỦ ĐỀ 3** |
| **Hoạt động 1:**  **I.Bóng tối- Bóng nửa tối** | **I.Bóng tối- Bóng nửa tối**: https://img.loigiaihay.com/picture/2018/0322/hd-1-chu-de-3.jpg  - HĐ1: Hãy tìm hiểu thí nghiệm hình H3.3 và nhận biết bóng tối trên màn phía sau tấm bìa, sau đó:  +Nhận xét:….ánh sáng……..ánh sáng……  **+Kết luận : ………ánh sáng…….**  - HĐ2 :  https://img.loigiaihay.com/picture/2018/0322/hd-2-chu-de-3.jpg  Hãy tìm hiểu thí nghiệm hình H3.4 và nhận biết bóng tối, bóng nủa tối trên màn phía sau tấm bìa, sau đó:  +Nhận xét:…ánh sáng…..ánh sáng…..ánh sáng….  +Kết luận **: …..ánh sáng…… nguồn sáng….** |
| **Hoạt động 2**  **II.Nhật thực- Nguyệt thực** | **II. Nhật thực- Nguyệt thực**  **1.Nhật thực**  **-**Tìm hiểu HĐ3. Hình h3.5  https://img.loigiaihay.com/picture/2018/0322/hd-4-chu-de-3.jpg  +Vị trí của Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất  + Thời điểm là ban ngày  +Vật nào là vật cản ánh sáng Mặt Trời  +Nhật thực là gì  + Hoàn thành phần giải thích  + Quan sát một số hình ảnh nhật thực toàn phần hình H3.6, H6.7, H3.8  **2.Nguyệt thực**  -Tìm hiểu HĐ5.Hình 3.9  https://img.loigiaihay.com/picture/2018/0322/hd-6-chu-de-3.jpg  +Vị trí của Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất  + Thời điểm là ban đêm ( đêm rằm âm lịch)  +Vật nào là vật cản ánh sáng Mặt Trời  +Nguyệt thực là gì?  + Hoàn thành phần giải thích  + Quan sát một số hình ảnh nguyệt thực hình H3.10, H6.11, H3.12 |

**B .BÀI TÂP ( Học sinh chuẩn bị trước)**

**- Bài 4,5,6 sách TLDH trang 24,25**

**- Trắc nghiệm:**

**Bài 1:** Đứng trên Trái Đất, trường hợp nào dưới đây ta thấy có nguyệt thực?

    A. Ban đêm, khi ta đứng không nhận được ánh sáng từ Mặt Trời.

    B. Ban đêm, khi Mặt Trăng không nhận được ánh sáng Mặt Trời vì bị Trái Đất che khuất.

    C. Khi Mặt Trời che khuất Mặt Trăng, không cho ánh sáng từ Mặt Trăng tới Trái Đất.

    D. Ban ngày khi Trái Đất che khuất Mặt Trăng

**Bài 2:** Tại sao trong lớp học, người ta lắp nhiều bóng đèn ở các vị trí khác nhau mà không dùng một bóng đèn lớn? Câu giải thích nào sau đây là đúng?

    A. Để cho lớp học đẹp hơn.

    B. Chỉ để tăng cường độ sáng cho lớp học.

    C. Để tránh bóng tối và bóng nửa tối khi học sinh viết bài.

    D. Để học sinh không bị chói mắt.

**Bài 3:** Khi có hiện tượng nhật thực, vị trí tương đối của Trái Đất, Mặt Trời và Mặt Trăng như thế nào (coi tâm của Trái Đất, Mặt Trời và Mặt Trăng cùng nằm trên một đường thẳng). Chọn phương án trả lời đúng trong các phương án sau:

    A. Trái Đất – Mặt Trời – Mặt Trăng         B. Mặt Trời – Trái Đất – Mặt Trăng

    C. Trái Đất – Mặt Trăng – Mặt Trời         D. Mặt Trăng – Trái Đất – Mặt Trời

**C.BÀI GHI**

**Chủ đề 3: ỨNG DỤNG ĐỊNH LUẬT TRUYỀN THẲNG CỦA ÁNH SÁNG I. BÓNG TỐI- BÓNG NỬA TỐI**

* Vùng phía sau vật cản ,không nhận được ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới được gọi là bóng tối .
* Vùng phía sau vật cản nhận được ánh sáng từ một phần của nguồn sáng truyền tới gọi là *bóng nửa tối*.

1. **NHẬT THỰC- NGUYỆT THỰC**

1.Nhật thực:

Là hiện tượng mặt trời ban ngày bị mặt trăng che khuất một phần hoặc gần như hoàn toàn.

2.Nguyệt thực:

Là hiện tượng mặt trăng tròn ban đêm bị trái đất dần che khuất không được mặt trời chiếu sáng

**D. THẮC MẮC CỦA HỌC SINH**

Trường:

Lớp:……………………………………

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
|  | **I.Bóng tối-bóng nửa tối** | 1.  2.  3. |
|  | **II.Nhật thực- Nguyệt thực** | 1.  2.  3 |
|  | **III.Vận dụng** | 1  2  3 |

**E. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TUẦN TRƯỚC (BÀI 2) TRANG 16,17 SÁCH TLDH**

CÂU 3: D

CÂU 4: C

CÂU 5:

- Một người đứng trước hàng dọc học sinh đặt mắt trước học sinh đầu hàng nếu không nhìn thấy các học sinh phía sau tức là hàng đã thẳng.

- Một học sinh trong hàng muốn biết mình đã thẳng hàng hay chưa thì cũng đặt mắt nhìn người phía trước mình nếu không nhìn thấy học sinh đầu hàng thì tức là mình đã đứng thẳng hàng.

# SINH 7

**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG HỌC TẬP**

Em cần sự hướng dẫn từ giáo viên, hãy gọi số điện thoại 0986862642

# Tuần 3\_tiết 5

# Bài 5: TRÙNG BIẾN HÌNH VÀ TRÙNG GIÀY

**Hoạt động 1: Trùng biến hình**

a) Cấu tạo và di chuyển

-Quan sát H 5.1 và đọc thông tin SGK em hãy cho biết:

Trùng biến hình có cấu tạo và di chuyển như thế nào?

b) Dinh dưỡng:

- Em quan sát H 5.2 ghi số thứ tự vào các ô trống theo thứ tự đúng với hoạt động bắt mồi của trùng biến hình .

Trùng biến hình dinh dưỡng nhờ bộ phận nào ?

c) Sinh sản:

+ Trùng biến hình có hình thức sinh sản nào ?

**Hoạt động 2: Trùng giày**

1. Cấu tạo : Trùng giày là động vật đơn bào nhưng cấu tạo đã phân hóa thành nhiều bộ phận như:nhân lớn,nhân nhỏ,không bào co bóp,miệng,hầu.mỗi bộ phận đảm nhiệm chức năng sống nhất định

2. Dinh dưỡng

-Thức ăn(vi khuẩn,vụn hữu cơ…) được lông bơi dồn về lỗ miệng.Thức ăn qua miệng và hầu được vo thành viên trong không bào tiêu hóa rời hầu di chuyển trong cơ thể theo một quỹ đạo nhất định.Enzim tiêu hóa biến thức ăn thành chất lỏng thấm vào chất nguyên sinh.Chất bã được thải ra ngoài qua lỗ thoát .

3. Sinh sản : Trùng giày sinh sản như thế nào?

# Tuần 3\_tiết 6

# Bài 6: TRÙNG KIẾT LỊ VÀ TRÙNG SỐT RÉT

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về trùng kiết lị**

-Em hãy quan sát H 6.1, 6.2 và đọc thông tin SGK cho cô biết:

Trùng kiết lị giống và khác trùng biến hình ở điểm nào ?

Trùng kiết lị kí sinh ở bộ phận nào cơ thể người ?

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về trùng sốt rét.**

**1. Cấu tạo và dinh dưỡng**

Trùng sốt rét kí sinh ở bộ phận nào cơ thể người ? Dinh dưỡng như thế nào?

Để phòng chống bệnh sốt ta phải làm gì ?

**2. Vòng đời:**

Em hãy quan sát H 6.4: Trình bày vòng đời của trùng sốt rét ?

**Hoạt động 3: Bệnh sốt rét ở nước ta:**

- Em đọc thông tin SGK

- Em hãy quan sát H 6.3,H6.4 phân biệt muỗi Anôphen và muỗi thường gặp ở khắp nơi .

- Vì sao bệnh hay xảy ra ở miền núi ?

**NỘI DUNG GHI BÀI**

# Tuần 3\_tiết 5

# Bài 5: TRÙNG BIẾN HÌNH VÀ TRÙNG GIÀY

**I. Trùng biến hình:**

**1.Cấu tạo và di chuyển**

**-** Trùng biến hình là động vật đơn bào, có cấu tạo đơn giản, di chuyển bằng chân giả.

**2. Dinh dưỡng:**

- Bắt mồi bằng chân giả, tiêu hoá bằng không bào tiêu hóa.

**3. Sinh sản:**

- Sinh sản vô tính bằng cách phân đô**i**

**II. Trùng giày:**

**1. Dinh chuyển, sinh sản:**

-Di chuyển bằng lông bơi

- Sinh sản vô tính bằng cách phân đôi và tiếp hợp

# Tuần 3\_tiết 6

# Bài 6: TRÙNG KIẾT LỊ VÀ TRÙNG SỐT RÉT

**I. Trùng kiết lị:**

- Trùng kiết lị kí sinh ở ruột người có chân giả ngắn, kết bào xác, chỉ ăn hồng cầu, gây bệnh kiết lị*.*

**II. Trùng sốt rét:**

**1. Cấu tạo và dinh dưỡng:**

- Trùng sốt rét kí sinh ở trong máu người và thành ruột, tuyến nước bọt của muỗi Anôphen.

- Huỷ hoại hồng cầu gây bệnh sốt rét cơn.

**2. Vòng đời:**

**-** Trùng sốt rét chui vào kí sinh ở hồng cầu, sử dụng chất nguyên sinh bên trong, sinh sản vô tính rồi chui ra ngoài tiếp tục vòng đời.

**III. Bệnh sốt rét ở nước ta:**

**-** Phòng chống bệnh sốt rét khó khăn và lâu dài nhất là ở miền núi*.*

**GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN SỬ 7**

**(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)**

**1.Giáo viên biên soạn tài liệu học tập và phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Tên bài học**  **- Khối lớp:7** | **Bài 4: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN ( Tiếp theo)** |
| **Hoạtđộng 1**: ***Đọc và quan sát kênh hình, kênh chữ SGK Lịchsử 7 trang 12-15*** | **4. Trung Quốc thời Tống- Nguyên**  Bài 4 đọc sgk trang 12,13,14,15 trả lời câu hỏi sau:  -Nhà Tống đã thi hành những chính sách gì? Tác dụng của những chính sách đó?  -Nêu những chính sách cai trị của nhà Nguyên? Nhận xét các chính sách đó?  **5. Trung Quốc thời Minh- Thanh**  Xã hội Trung Quốc cuối thời Minh và nhà Thanh có gì thay đổi?  **6. Văn hóa, khoa học – kĩ thuật Trung Quốc thời phong kiến**  Kể tên một số tác phẩm văn học lớn của Trung Quốc thời phong kiến mà em biết?  Kể tên một số công trình kiến trúc lớn của Trung Quốc thời phong kiến mà em biết? |
| **Hoạtđộng 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quát trình tự học.*** | Chính sách cai trị của nhà Tống và nhà Nguyên có những điểm gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau đó? |
| **Tên bài học** | **Bài 5: Ấn Độ thời phong kiến** |
| **Hoạtđộng 1**: ***Đọc và quan sát kênh hình, kênh chữ SGK Lịchsử 7trang 16-17*** | **1.Ấn Độ thời phong kiến.**  -So sánh sự giống và khác nhau giữa Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn  **2.Văn hóa Ấn Độ:**  Chữ viết Ấn Độ thời phong kiến là chữ gì? Dùng để làm gì?  Chữ viết Ấn Độ thời phong kiến là chữ gì? Dùng để làm gì? |
| **Hoạtđộng 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | Người Ấn Độ đã đạt được những thành tựu gì về văn hóa? |

1. **Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ họ ctập ( nếu có)**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung họctập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| Lịchsử | Mục 1: ….  Mục 2: …. | 1.  2. |

**NỘI DUNG BÀI GHI**

**BÀI 4: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN ( Tiếp theo)**

**4. Trung Quốc thời Tống- Nguyên**

***\*Thời Tống:***

-Miễn giảm thuế, sưu dịch

- Mở mang các công trình thủy lợi, khuyến khích phát triển thủ công nghiệp: khai mỏ, luyện kim,dệt lụa......phát minh ra la bàn, thuốc súng, nghề in , giấy viết….

***\*Thời Nguyên:***

-Thi hành nhiều biện pháp phân biệt đối xử giữa các dân tộc:

+Người Mông Cổ có địa vị cao nhất, hưởng mọi đặc quyền

+Người Hán địa vị thấp kém, bị cấm đoán đủ thứ..

**5. Trung Quốc thời Minh- Thanh**

*\* Chính trị:*

- Năm 1368, nhà Minh thành lập.

- Lí Tự Thành lật đổ nhà Minh.

-Năm 1644, nhà Thanh thành lập.

- Cuối thời Minh- Thanh, Trung Quốc lâm vào tình trạng suy thoái, vua quan ăn chơi sa đọa, nông dân đối khổ.

*\*Kinh tế:*

-Thủ công nghiệp phát triển, xuất hiện mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa như nhiều xưởng dệt, gốm chuyên môn hóa cao, có nhiều nhân công làm việc.

-Ngoại thương phát triển buôn bán với nhiều nước Đông Nam Á, Ba Tư…

**6. Văn hóa, khoa học – kĩ thuật Trung Quốc thời phong kiến**

- Tư tưởng: Nho giáo

-Văn học: thời Đường có nhiều nhà thơ nổi tiếng như: Lý Bạch, Đỗ Phủ…, Thời Minh- Thanh xuất hiện những bộ tiểu thuyết có giá trị: Tây Du ký, Tam Quốc diễn nghĩa…

-Sử học: Bộ sử kí của Tư Mã Thiên

-Kiến trúc: Cố cung, tượng phật..

- Những phát minh quan trọng: làm giấy, nghề in, la bàn, thuốc súng…

-Kỹ thuật đóng tàu, luyện kim, khai mỏ…

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 5: ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN**

**1.Ấn Độ thời phong kiến.**

**Bảng niên biểu Ấn Độ thời phong kiến**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VƯƠNG TRIỀU** | **THỜI GIAN** | **NỘI DUNG** |
| Gúp -ta | IV-VI | Thời kì này, Ấn Độ trở thành một quốc gia phong kiến hùng mạnh, công cụ sắt được sử dụng rộng rãi, kinh tế xã hội và văn hóa phát triển |
| Hồi giáo Đêli | XII- XVI | TK XII, Ấn Độ bị Thổ Nhĩ Kì xâm lược lập ra triều đại Hồi giáo Đêli, thi hành chính sách cướp đoạt ruộng đất và cấm đoán đạo Hinđu, mâu thuẫn dân tộc căng thẳng |
| Môgôn | XVI-XIX | TK XVI, người Mông Cổ chiếm đóng Ấn Độ, lập vương triều Mô gôn, Xóa bỏ sự kì thị tôn giáo, khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa Ấn Độ  Giữa Tk XIX , Ấn Độ trở thành thuộc địa của Anh |

**2.Văn hóa Ấn Độ:**

-Chữ viết:Chữ Phạn là chữ viết riêng, dùng làm ngôn ngữ , văn tự để sáng tác các tác phẩm văn học thơ ca. Đây là nguồn gốc của chữ viết Hin-đu.

-Tôn giáo: đạo Bà-La- Môn có bộ kinh Vê-đa là bộ kinh cầu nguyện xưa nhất, đạo Hin-đu là một tôn giáo phổ biến ở Ấn Độ hiện nay.

- Nền văn học Hin-đu: với giáo lí, luật pháp, sử thi, thơ ca… có ảnh hưởng đến đời sống xã hội.

-Kiến trúc: ảnh hưởng sâu sắc của các tôn giáo với những công trình kiến trúc đền thờ, ngôi chùa độc đáo còn được giữ lại đến ngày nay.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA 7**

**(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)**

1. **Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** |  |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7** | **CHƯƠNG I: MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG**  **Bài 5: ĐỚI NÓNG.**  **MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẨM** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | \***Hoạt động 1**: **tìm hiểu về đới nóng**  Hs nghiên cứu Lược đồ các kiểu môi trường đới nóng , kết hợp kiến thức đã học, trả lời:  - Xác định phạm vi môi trường đới nóng .  - Tại sao gọi là nội chí tuyến  - Nêu các đặc điểm chủ yếu của đới nóng .  - Kể tên các kiểu môi trường đới nóng .  \***Hoạt động 2:** tìm hiểu đặc điểm khí hậu của môi trường xích đạo ẩm  -Hs nghiên cứu hình 1.2 SGK SGK, kết hợp kiến thức đã học,trả lời:  ***Câu 1:*** Xác định môi trường xích đạo ẩm .  ***Câu 2:*** Xác định Xinga po và nhận xét đường biểu diễn nhiệt độ , lượng mưa  ***Câu 3:*** Nêu đặc trưng tiêu biểu khí hậu môi trườngxích đạo .  ***Câu 4:*** Rừng có mấy tầng chính ?- Tại sao rừng có nhiều tầng  - Liên hệ vùng hạ huyện Cần Giuộc, Cần Đước tỉnh Long An có rừng ngập mặn.. |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | -Đới nóng phân bố ở đâu có đặc điểm gì ?  - Kể tên các kiểu môi trường ở đới nóng .  - Nêu đặc điểm khí hậu môi trường xích đạo ẩm |

1. **Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập qua phiếu sau:**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| Địa |  |  |

**NỘI DUNG GHI BÀI**

**CHƯƠNG I: MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG**

**Bài 5: ĐỚI NÓNG.**

**MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẨM**

**I-Đới nóng :**

- Đới nóng nằm ở khoảng giữa 2 chí tuyến Bắc và Nam, kéo dai từ Tây sang Đông

- Đặc điểm : Nhiệt độ cao quanh năm , có gió Tín Phong, thực vật đa dạng, nơi đông dân..

- Gồm 4 kiểu môi trường :

+ Môi trường xích đạo ẩm ,

+ Môi trường nhiệt đới ,

+ Môi trường nhiệt đới gió mùa

+ Môi trường hoang mạc.

**II- Môi trường Xích đạo ẩm :**

**1. Khí hậu :**

- Nằm trong khoảng từ 50Bắc-50Nam

- Đặc điểm :

+ Nhiệt độ cao, nóng quanh năm (trên 250C ), biên độ nhiệt thấp 30C.

+ Mưa nhiều quanh năm (từ 1500-2500mm)

+ Độ ẩm rất cao trên 80 %

**2. Rừng rậm xanh quanh năm :**

- Rừng rậm rạp có nhiều day leo phụ sinh

- Nhiều tầng tán (có 4 tầng).

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)**

1. **Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** |  |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7** | **Bài 6 : MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | **+ Hoạt động 1:** **Tìm hiểu về khí hậu**  Quan sát bản đồ khí hậu thế giới :  - Xác định vị trí của môi trường nhiệt đới  - Xác định vị trí Malacan và Gia mêna .  - Quan sát hình 6.1 nhận xét về sự phânbố nhiệt độ và lượng mưa của Malacan và Giamêna.  +Chế độ nhiệt và lượng mưa hai địa điểm này khác nhau như thế nào ?  +Từ phân tích trên nêu đặc điểm khí hậu nhiệt đới .  +So sánh với môi trường Xích đạo ẩm .  **+ Hoạt động 2: Tìm hiểu về các đặc điểm khác của môi trường nhiệt đới**  - Quan sát H6.3, H6.4 ,nhận xét sự giống, khác nhau của 2 xa van.  *(Giống: Cùng trong thời kì mưa.*  *Khác:+ H6.3 cỏ thưa, không xanh tốt, ít cây cao, không rừng hành lang*  *+ H6.4 thảm cỏ dày, xanh hơn...*  *Vì lượng mưa, thời gian mưa ở Kênia ít hơn ở Trung Phi nên thực vật thay đổi theo)*  - Thực vật có đặc điểm gì?  - Giải thích (ảnh hưởng KH)  - Đặc điểm chế độ nước của sông ngòi?  - Đất có đặc điểm gì ? Nguyên nhân?  - Nhận xét về dân cư? |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | - Hiện nay vấn đề nào đang được quan tâm ở MTNĐ ?  - Liên hệ: Khô hạn kéo dài, hiện tượng hoang mạc hóa, tài nguyên suy giảm...  - Nước nào nằm trong MTNĐ? |

1. **Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập qua phiếu sau:**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| Địa |  |  |

**NỘI DUNG GHI BÀI**

**Bài 6 : MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI**

**1.Khí hậu :**

- Nằm từ vĩ tuyếnđến chí tuyến ở cả hai bán cầu.

- Đặc điểm: nóng (trên C) và lượng mưa tập trung vào một mùa (từ 500 mm đến 1500mm)

- Càng về gần hai chí tuyến, thời kì khô hạn càng kéo dài và biên độ nhiệt trong năm càng lớn.

**2. Các đặc điểm khác của môi trường nhiệt đới:**

- Cảnh quan cũng thay đổi theo mùa .

- Thực vật thay đổi theo lượng mưa từ xích đạo đến chí tuyến : rừng thưa , xa van , nửa hoang mạc…

- Là khu vực đông dân

**MÔN GDCD KHỐI LỚP 7**

**GVBM : THÂN LÊ HỒNG YẾN**

**GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)**

**THỜI GIAN : 1 TIẾT ( TUẦN 3)**

**BÀI 3 : TỰ TRỌNG**

**I.Tìm hiểu bài**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG TÌM HIỂU** | **YÊU CẦU HỌC SINH**  **HỌC SINH TÌM HIỂU SÁCH TÀI LIỆU DẠY HỌC- CHỦ Bài 3 : TỰ TRỌNG** |
| Hoạt động 1: GV cho HS đọc truyện đọc | **Hoạt động 1: Tìm hiểu truyện đọc/sgk**  GV: Gọi HS đọc truyện (phân vai)  Lời dẫn; Ông giáo; Rô – Be; Sác - Lây  1.Hãy nêu hành động của Rô-be qua câu chuyện trên***?***  2. Vì sao Rô-Be lại làm như vậy?  3. Em có nhận xét gì về hành động của Rô-be?  4. Hành động của Rô-be đã tác động đến tình cảm tác giả như thế nào?  1.-Là em bé nghèo khổ đi bán diêm  -Cầm đồng tiền vàng đổi lấy tiền lẽ trả cho người mua diêm  -Khi bị chẹt xe nhưng Rô-be vẫn nhờ em mình trả lại tiền cho khách .  2.Muốn giữ đúng lời hứa cúa mình  Không muốn người khác nghĩ mình nghèo, nói dối, ăn cắp tiền.  3.-Không muốn bị coi thường,danh dự bị xúc phạm,mất lòng tin.  -Có ý thức trách nhiệm cao  -Giữ đúng lời hứa  -Tôn trọng người khác và tôn trọng chính mình.  -Tâm hồn cao thượng tuy cuộc sống rất nghèo.  4. Hành động đó đã làm thay đổi tình cảm của tác giả.Từ chổ nghi ngờ ,không tin,sững sờ tim se lại vì hối hận..   * GV:Việc làm của Rô-be thể hiện đức tính gì? Thể hiện tính Tự trọng |
| Hoạt động 2: Nội dung bài học | **II. NÔI DUNG BÀI HỌC**  Hs hiểu được khái niệm, ý nghĩa của đức tính tự trọng.  GV chia lớp 2 nhóm cho HS thảo luận  Nhóm1. Tìm hành vi biểu hiện tính Tự trọng trong thực tế?  Nhóm2. Tìm hành vi không biểu hiện tính Tự trọng trong thực tế?  **1. -** Không quay cóp trong khi thi.  **-** Giữ đúng lời hứa.  - Dũng cảm nhận lổi.  **2**. - Sai hẹn.  - Sống buông thả.  - Nịnh bợ, luồn cúi  - Trốn tránh trách nhiệm  GV:Lòng Tự trọng có ý nghĩa ntn đối với cá nhân, gia đình, xã hội?  GV:Tổng kết rút ra nội dung bài học.  GV:Thế nào là Tự trọng?  GV Kết luận. |
| Hoạt động 3 : *Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.* | **III. Bài tập**  GV hướng dẫn HS làm BT a(SGK).  HS giải thích.  GV yêu cầu hs thảo luận cặp đôi  Bài d(SGK).  Bài a: Đáp án: 1,2 thể hiện tính Tự trọng.  3,4,5 không Tự trọng.  Bài d: HS thảo luận sau đó kể |
| Hoạt động 4  Vận dụng | **4 HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  1. Mục tiêu: giúp hs vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn  GV phát động trò chơi ai nhanh hơn trả lời câu hỏi  ?Em hãy kể tấm gương sống quanh ta về lòng tự trọng và rút ra bài học gì cho bản thân?  **HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG**  ?Hãy tìm câu tục ngữ, ca dao, danh ngôn về lòng tự trọng.  ?Tìm các bài báo ca ngợi các tấm gương tự trọng trong cuộc sống. |

II.NỘI DUNG BÀI HỌC.( ghi nhớ - Học sinh chép bài và học thuộc)

**I. Truyện đọc:**

## Một tâm hồn cao thượng( sgk 10,11)

Qua truyện đọc Robe thể hiện lòng tự trọng

**II. Nội dung bài học:**

1. Tự trọng:

- Biết coi trọng và giữ gìn phẩm cách

- Biết điều chỉnh hành vi cá nhân cho phù hợp với chuẩn mực của XH.

\* Biểu hiện:

**-** Cư xử đàng hoàng đúng mực

- Biết giữ lời hứa

- Luôn làm tròn nhiệm vụ của mình, không để người khác nhắc nhở chê trách.

2. Ý nghĩa:

- Giúp con người có nghị lực, nâng cao phẩm giá, uy tín cá nhân.

- Được mọi người tôn trọng, quý mến.

**III Bài tập**

Bài a: sgk trang 11,12 Đáp án: 1,2 thể hiện tính Tự trọng , 3,4,5 không Tự trọng.

III. THẮC MẮC CỦA HỌC SINH

Lớp:……………………………………

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Môn học | Nội dung học tập | Câu hỏi của học sinh |
|  | I.Truyện đọc | 1.  2.  3. |
|  | II.Nội dung bài học | 1.  2.  3 |
|  | III.Bài tập | 1  2  3 |
|  | IV. Vận dụng | 1  2  3 |

BÀI TÂP ( Học sinh làm bài tập vào vở)

Câu 1 : Tìm 2 việc làm tự trọng của bản thân em ?

Câu 2 : Tìm 2 việc làm không tự trọng ở bản thân em ?

Câu 3: Sưu tầm một số câu ca dao tục ngữ về tự trọng ?

**BÀI 3: VẼ THEO MẪU**

**CÁI CỐC VÀ QUẢ**

**(VẼ BẰNG BÚT CHÌ ĐEN)**

**I/. Quan sát và nhận xét:**

+ Hình dáng.

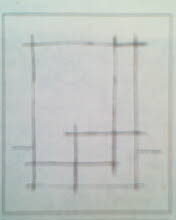
+ Vị trí.

+ Tỷ lệ.

+ Đậm nhạt.

**II/. Cách vẽ:**

***1. Vẽ khung hình.***



***2. Xác định tỷ lệ và vẽ nét cơ bản.***



***3. Vẽ chi tiết.***



***4. Vẽ đậm nhạt.***



**III/. Bài tập.**

Vẽ theo mẫu: **Cái cốc và quả.**